

Số: 398/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ các điều 54, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 176/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Lê Thị B, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố 3, phường M (địa chỉ cũ: Phường H, Quận C), Thành phố H;

Ông Phạm Duy A, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố 3, phường M (địa chỉ cũ: Phường H, Quận C), Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Duy A và bà Lê Thị B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển số I/2006 của Ủy ban nhân dân phường M (địa chỉ cũ: Phường H, Quận C), Thành phố H cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006 hết hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Phạm Duy A và bà Lê Thị B có 02 con chung là Phạm Lê A, sinh ngày 09/01/2007 (đã trưởng thành) và Phạm Lê T sinh ngày 06/10/2012. Giao con chung là trẻ Phạm Lê T cho bà Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành; ông Phạm Duy A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (trẻ Phạm Lê T) là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng; thời gian

thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8/2025, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Phạm Duy A được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi bà Lê Thị B Chi có đơn yêu cầu thi hành án, ông Phạm Duy A chưa đóng góp số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Tài sản chung: Ông Phạm Duy A và bà Lê Thị B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc này.

Nợ chung: Ông Phạm Duy A và bà Lê Thị B cùng xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Phạm Duy A và bà Lê Thị B phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Phạm Duy A và bà Lê Thị B đã nộp theo biên lai thu số 0004770 ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, Thành H. Ông Phạm Duy A và bà Lê Thị B đã nộp đủ tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND Khu vực 7;
- Phòng Thi hành án DS Khu vực 7;
- UBND phường M;
- Lưu: VP, hồ sơ (Tú).

THẨM PHÁN

Đặng Thị Tám